

Số: /BC-UBND

TP. Thanh Hoá, ngày tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP quý I và nhiệm vụ quý II năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố khoá XXII, kỳ họp thứ 4: số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP năm 2022 và số 38/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách thành phố Thanh Hóa năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 13573/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố Thanh Hoá về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách thành phố năm 2022 của thành phố Thanh Hóa;

UBND thành phố báo cáo kết quả triển khai tổ chức thực hiện với kết quả cụ thể như sau:

I. Ước thực hiện thu, chi ngân sách quý I năm 2022:

1. Về thu NSNN và thu NSDP:

1.1. Thu NSNN:

- Dự toán tỉnh giao: **2.501.173 triệu đồng.**
- Dự toán thành phố giao: **3.112.606 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện quý I đạt: **804.359 triệu đồng**; đạt 32% dự toán tỉnh; 26% dự toán thành phố giao. *Cụ thể:*
 - a. Thu thường xuyên ước đạt: 309.473 triệu đồng; đạt 31% dự toán tỉnh; 30% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - Phần Chi cục Thuế quản lý thu ước đạt: 280.939 triệu đồng; đạt 34% dự toán tỉnh; 32% dự toán thành phố giao.
 - Thu tại xã và thu khác ngân sách ước đạt: 3.750 triệu đồng; đạt 9,7% dự toán tỉnh và 9% thành phố giao.
 - Phần Cục thuế thu trên địa bàn thành phố ước đạt: 24.784 triệu đồng; đạt 19,5% dự toán tỉnh và 19% thành phố giao
 - b. Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 419.886 triệu đồng; đạt 44% dự toán tỉnh giao; 38% dự toán thành phố giao.
 - c. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên ước đạt: 75.000 triệu đồng; đạt 20% dự toán tỉnh và thành phố giao.

1.2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:

- Dự toán tỉnh giao: **1.912.091 triệu đồng.**
- Dự toán thành phố giao: **2.420.913 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện quý I đạt: **577.022 triệu đồng**; đạt 30% dự toán tỉnh giao; 24% so với dự toán thành phố giao. Bao gồm: thu tiền sử dụng đất 209.943 triệu đồng, thu trừ tiền sử dụng đất 367.079 triệu đồng.

2. Thu, chi ngân sách cấp thành phố:

2.1. Thu điều tiết ngân sách cấp thành phố:

- Dự toán thành phố giao: **2.254.312 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện quý I đạt: **521.806 triệu đồng**; đạt 23% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Thu điều tiết từ nguồn thu thường xuyên ngân sách cấp thành phố ước đạt: 278.885 triệu đồng; đạt 32% dự toán thành phố giao.
 - + Thu điều tiết tiền từ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt: 167.921 triệu đồng; đạt 16% dự toán thành phố giao.
 - + Thu bổ sung cân đối ngân sách ước đạt: 75.000 triệu đồng, đạt 20% dự toán tỉnh và thành phố giao.

2.2. Chi ngân sách thành phố:

- Dự toán giao: **2.254.312 triệu đồng**;
- Kết quả ước thực hiện quý I: 439.639 triệu đồng; đạt 19,5% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Chi đầu tư: 150.000 triệu đồng; đạt 14,9% dự toán thành phố giao
 - + Chi thường xuyên: 259.810 triệu đồng; đạt 24,5% dự toán thành phố giao.
 - + Chi bổ sung cân đối ngân sách phường, xã: 29.830 triệu đồng; đạt 25,0% dự toán thành phố giao.

3. Thu, chi ngân sách các phường xã trên địa bàn thành phố:

3.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Dự toán thành phố giao: 586.633 triệu đồng.
- Kết quả ước thực hiện quý I đạt: 171.353 triệu đồng; đạt 29% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Thu thường xuyên ước đạt: 99.501 triệu đồng; đạt 28% dự toán thành phố giao.
 - + Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 42.022 triệu đồng; đạt 37% dự toán thành phố giao.
 - + Thu bổ sung cân đối ngân sách ước đạt: 29.830 triệu đồng, đạt 25% dự toán tỉnh và thành phố giao.

3.2. Thu điều tiết ngân sách phường, xã

- Dự toán thành phố giao: 285.957 triệu đồng.

- Kết quả ước thực hiện quý I đạt: 88.019 triệu đồng; đạt 29% so với dự toán thành phố giao. Bao gồm: thu tiền sử dụng đất 42.022 triệu đồng, thu trừ tiền sử dụng đất 45.997 triệu đồng.

3.3. Chi ngân sách phường, xã:

- Dự toán giao: 285.957 triệu đồng.

- Kết quả ước thực hiện (chi thường xuyên): 32.982 triệu đồng; đạt 12% dự toán thành phố giao.

4. Nhận xét chung:

4.1. Về thu ngân sách:

Trong quý I năm 2022, một số khoản thu theo kỳ chưa đến hạn thu như: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch Covid – 19 trong các tháng trước và sau tết nên thu ngân sách quý I còn có nhiều khoản thu đạt thấp so với chỉ tiêu dự toán tỉnh và thành phố giao, gồm:

- Lệ phí trước bạ ước đạt: 69.465 triệu đồng; đạt 24% dự toán tỉnh; 23% dự toán thành phố giao.

- Nguồn thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước ước đạt: 3.044 triệu đồng; đạt 9% dự toán tỉnh giao; 6% dự toán thành phố giao.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt: 2.028 triệu đồng; bằng 10% dự toán tỉnh và 8% dự toán thành phố giao

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo tích cực của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố; sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, các đơn vị trên địa bàn thành phố trong việc thực hiện công tác thu ngân sách nên nguồn thu NSNN cũng như thu điều tiết NSTP đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chi của địa phương.

Số thu tiền sử dụng đất điều quý I năm 2022 đạt 419.886 triệu đồng, đạt 37% dự toán tỉnh giao, 25% dự toán thành phố giao. Số thu tiền sử dụng đất chủ yếu là thu từ các mặt bằng khai thác quỹ đất do cấp tỉnh thực hiện đấu giá từ cuối năm 2021 (dự án Khu dân cư dọc 2 bên đường dự án CSEDP thuộc Khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa 351.883 triệu đồng; dự án Khu nhà ở chung cư thuộc khu dân cư Tây nam chợ Quảng Thắng 19.561 triệu đồng, Dự án Khu dân cư phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa 16.242 triệu đồng).

4.2. Về chi ngân sách:

UBND thành phố đã chủ động điều hành chi NSTP đảm bảo theo đúng Nghị quyết của HĐND thành phố giao và trên cơ sở nguồn thu NSNN, thu điều tiết NSTP quý I năm 2022 của thành phố.

Trong quý I năm 2022, UBND thành phố đã chỉ đạo các đơn vị thụ hưởng NSTP chủ động thực hiện tiết kiệm chi ngân sách, nhất là chi thường xuyên ngân sách; hạn chế kinh phí hội họp, tiếp khách; tập trung nguồn lực để đảm bảo chi cho các nhiệm vụ thiết yếu, đảm bảo các chế độ an sinh xã hội, lương phụ cấp cho cán bộ công nhân viên, người lao động cũng như kinh phí đảm bảo cho

công tác phòng chống dịch. Tổng chi ngân sách thành phố quý I năm 2022 ước đạt: 439.639 triệu đồng, bằng 19,5% dự toán thành phố giao.

Trong đó:

- Chi đầu tư và ghi thu, ghi chi ngân sách thành phố quý I ước đạt 150.000 triệu đồng, đạt 14,9% dự toán thành phố giao.
- Chi thường xuyên quý I năm 2022 cơ bản đảm bảo theo dự toán được giao. Ước đạt 259.810 triệu đồng, đạt 24,5% dự toán thành phố giao.
- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới ước đạt: 29.830 triệu đồng.

II. Nhiệm vụ thu, chi ngân sách quý II năm 2022:

1. Về thu ngân sách:

Để đảm bảo thực hiện dự toán thu NSNN đã được HĐND thành phố quyết nghị, nhiệm vụ thu NSNN quý II năm 2022 tối thiểu phải thực hiện là: 751.945 triệu đồng. Bao gồm:

- Phần Chi cục thuế quản lý thu: 156.697 triệu đồng.
- Thu tại xã và thu khác: 16.791 triệu đồng.
- Cục thuế quản lý thu: 40.601 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 429.000 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 108.856 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách thành phố quý II:

Căn cứ vào tình hình thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp trong quý II năm 2022, UBND thành phố sẽ tập trung chỉ đạo điều hành thu chi ngân sách để đảm bảo những nhiệm vụ chi thiết yếu của thành phố như: chi cho con người, an sinh xã hội, đảm bảo xã hội, phòng chống dịch bệnh và các nhiệm vụ chi đột xuất khác.

Ngoài ra, năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025. Theo đó, UBND các phường được điều tiết 10% số thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn (quý I đã điều tiết 42.022 triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay số tiền trên vẫn chưa thực hiện giải ngân. Vì vậy, trong quý II, UBND thành phố sẽ chỉ đạo, hướng dẫn UBND các phường, xã triển khai thực hiện giải ngân số thu tiền sử dụng đất được điều tiết theo đúng các quy định hiện hành.

3. Giải pháp thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP quý II và những tháng cuối năm 2022.

3.1. Về thu NSNN và thu điều tiết NSDP:

Với tình dịch Covid còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế, cùng với việc triển khai áp dụng miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ nên thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý II dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, các cấp, các ngành, các phòng ban cần tập trung thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Tổ chức họp giao ban công tác thu ngân sách nhà nước quý I, triển khai nhiệm vụ thu quý II năm 2022.

- Các địa phương, đơn vị chủ động, quyết liệt, tập trung thực hiện các giải pháp về thu NSNN trong điều hành thu chi ngân sách năm 2022. Phối hợp chặt chẽ với ngành thuế trong việc triển khai các giải pháp thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Chi cục Thuế khu vực thành phố Thanh Hóa – Đông Sơn chủ động, quyết liệt, tích cực trong việc thực hiện các giải pháp thu NSNN trên địa bàn. Thường xuyên, liên tục, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND thành phố tình hình thực hiện thu NSNN hàng tháng, dự báo ảnh hưởng của việc thực hiện Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn để kịp thời có chỉ đạo thực hiện các giải pháp thu phù hợp. Tăng cường khai thác, tìm kiếm các nguồn thu để tăng nguồn thu, bù đắp hụt thu.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, phòng Tài chính – Kế hoạch, phòng Tài nguyên & Môi trường tích cực, chủ động tham mưu cho UBND thành phố tổ chức đấu giá các khu đất trường học, đất thương mại trong Kế hoạch đấu giá năm 2022.

2. Về chi ngân sách

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSNN; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, rào cản trong quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là vướng mắc về GPMB các dự án trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức thực hiện dự toán chi theo hướng dẫn tại công văn số 12/TCKH-QLNS ngày 07/01/2022 của Phòng Tài chính kế hoạch thành phố hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi cho các nội dung kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên khác còn lại của năm 2022.

Trên đây là Báo cáo tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách quý I và nhiệm vụ thu chi ngân sách quý II năm 2022 của thành phố Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP (b/c);
- Trưởng các phòng, ban, đoàn thể TP;
- Lưu: VT

**TM. UBND THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Huy Triều

**Biểu 01: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA QUÝ I/2022**

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Thu ngân sách nhà nước					Thu điều tiết ngân sách thành phố			Ghi chú
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND Thành phố giao	Ước thực hiện quý I/2022	So sánh		Dự toán HĐND thành phố giao	Ước thực hiện quý I/2022	So sánh	
					So với DT tỉnh giao	So với DT HĐND TP giao				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)	(11)
	Tổng thu NSNN	2.501.173	3.112.606	804.359	32%	26%	2.254.312	521.806	23%	
*	<i>Thu không thường xuyên</i>	1.517.711	2.065.483	494.886	33%	24%	1.392.563	242.921	17%	
**	<i>Thu thường xuyên</i>	983.462	1.047.123	309.473	31%	30%	861.749	278.885	32%	
A	Cục thuế Thu	127.139	130.770	24.784	19%	19%	75.772	15.409	20%	
-	Phí môn bài	3.115	3.115	3.491	112%	112%	3.115	3.491	112%	
-	Thuế tài nguyên	5.706	5.706	3.003	53%	53%	5.706	3.003	53%	
-	Tiền thuê đất	97.330	100.961	13.769	14%	14%	47.815	5.095	11%	
-	Tiền cấp quyền KTKS	2.829	2.829	994	35%	35%	1.384	497	36%	
-	Phí BVMT đối với KTKS	1.359	1.359	677	50%	50%	951	474	50%	
-	Phí BVMT đối với nước thải SH	16.800	16.800	2.850	17%	17%	16.800	2.850	17%	
B	Chi cục thuế thành phố thu	1.967.742	2.573.044	700.825	36%	27%	1.780.998	427.598	24%	
I	Thu tiền sử dụng đất	1.150.000	1.697.772	419.886	37%	25%	1.024.852	167.921	16%	
-	Phần thu để chi đầu tư hạ tầng và GPMB các dự án khai thác quỹ đất	200.000	581.964		0%	0%	581.964		0%	
-	Phần thu phân chia các cấp NS	950.000	1.115.808	419.886	44%	38%	442.888	167.921	38%	
II	Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất	817.742	875.272	280.939	34%	32%	756.146	259.677	34%	
1	Thu từ các DNNN	4.050	4.050	598	15%	15%	0	0		
2	Thuế CTN NQD	339.000	364.000	146.847	43%	40%	361.248	145.801	40%	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19.665	24.195	2.028	10%	8%	15.825	1.434	9%	
4	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	35.527	48.027	3.044	9%	6%	24.146	1.486	6%	
-	<i>Nộp tiền 1 lần</i>	7.500	20.000		0%	0%	6.000	0	0%	
-	<i>Nộp tiền hàng năm</i>	19.675	19.675	3.044	15%	15%	9.794	1.486	15%	
-	<i>Ghi thu ghi chi chi phí GPMB nhà đầu tư ứng trước</i>	8.352	8.352	0	0%	0%	8.352		0%	
5	Lệ phí trước bạ	289.000	299.000	69.465	24%	23%	243.822	56.605	23%	
-	<i>Trước bạ nhà đất</i>	50.000	50.000	10.625	21%	21%	44.622	9.532	21%	
-	<i>Trước bạ khác</i>	239.000	249.000	58.840	25%	24%	199.200	47.072	24%	

Biểu 02: ƯỚC CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I/2022*(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)**ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự toán HĐND TP giao	Ước thực hiện quý I	Tỷ lệ	
				So với dự toán HĐND giao	So với cùng kỳ
	TỔNG CỘNG	2.254.312	439.639	19,5%	117,3%
A	Chi ngân sách thành phố	2.134.957	409.809	19,2%	116,5%
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.004.757	150.000	14,9%	126,1%
II	Chi thường xuyên	1.060.229	259.810	24,5%	112,1%
1	Chi quốc phòng	11.629	3.090	26,6%	100,1%
2	Chi an ninh	1.059	450	42,5%	97,8%
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT	533.844	129.500	24,3%	112,9%
4	Chi sự nghiệp y tế	70.201	17.500	24,9%	105,8%
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin; PTTH, TDTT	14.474	3.670	25,4%	113,6%
6	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	99.441	24.950	25,1%	103,3%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	114.611	28.500	24,9%	155,9%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.457	34.400	24,7%	105,1%
9	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	57.161	15.500	27,1%	94,4%
10	Chi khác ngân sách	10.000	2.250	22,5%	98,8%
11	Ghi thu ghi chi	8.352	0	0,0%	
III	Dự phòng TX ngân sách	19.109	0	0,0%	0,0%
IV	Dự phòng đầu tư ngân sách	20.095	0	0,0%	0,0%
V	Chi cải cách tiền lương	30.768	0	0,0%	0,0%
B	Chi bổ sung cân đối NSPX	119.355	29.830	25,0%	129,7%

Biểu 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP QUÝ I/2022 CỦA CÁC PHƯỜNG, XÃ*(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước									Thu điều tiết ngân sách phường, xã			Chi NS huyện Quý I/2022			
		Dự toán thu NSNN TP giao			Ước thực hiện quý I/2022			So sánh ước TH quý I/DT			Dự toán HĐND thành phố giao	Ước thực hiện quý I/2022		SS ước TH Quý I/DT(%)	Dự toán chi NSPX TP giao	Ước chi quý I/2022	SS ước TH/DT (%)
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trở			Tổng thu NSNN	Trở				
			Thu tiền SDĐ	Thu trừ tiền SDĐ		Thu tiền SDĐ	Thu trừ tiền SDĐ		Thu tiền SDĐ	Thu trừ tiền SDĐ							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)/(3)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(12)/ (11)	(16)	(17)	(18)=(17) /(16)
	Tổng số	586.633	115.017	471.616	171.353	42.022	129.331	29%	37%	27%	285.957	88.019	45.997	29%	285.957	32.982	12%
1	An Hưng	19.580	3.750	15.830	4.390	6	4.384	22%	0%	28%	9.814	1.559	1.553	22%	9.814	1.013	10%
2	Ba Đình	21.914	-	21.914	4.660	-	4.660	21%		21%	4.780	1.191	1.191	21%	4.780	790	17%
3	Điện Biên	30.133	4.858	25.275	4.756	-	4.756	16%		19%	9.865	878	878	16%	9.865	1.089	11%
4	Đông Cương	14.687	5.208	9.479	2.438	-	2.438	17%		26%	10.163	1.857	1.857	17%	10.163	629	6%
5	Đông Hải	53.461	19.199	34.262	23.759	44	23.715	44%		69%	24.355	3.520	3.476	44%	24.355	1.526	6%
6	Đông Hương	54.173	20.573	33.600	15.569	1.517	14.052	29%	7%	42%	25.845	3.720	2.203	29%	25.845	1.014	4%
7	Đông Lĩnh	7.533	1.074	6.459	1.589	-	1.589	21%		25%	5.981	1.229	1.229	21%	5.981	644	11%
8	Đông Sơn	14.022	4.000	10.022	1.694	55	1.639	12%	1%	16%	9.333	934	879	12%	9.333	1.346	14%
9	Đông Tân	9.155	-	9.155	3.464	59	3.405	38%		37%	4.741	1.232	1.174	38%	4.741	1.019	21%
10	Đông Thọ	38.340	2.957	35.383	7.151	-	7.151	19%		20%	9.585	1.043	1.043	19%	9.585	941	10%
11	Đông Vệ	43.763	-	43.763	15.995	9.246	6.749	37%		15%	5.697	10.683	1.437	37%	5.697	1.676	29%
12	Hàm Rồng	13.056	3.900	9.156	1.682	-	1.682	13%		18%	8.398	1.564	1.564	13%	8.398	1.104	13%
13	Lam Sơn	31.181	750	30.431	6.773	-	6.773	22%		22%	5.941	1.462	1.462	22%	5.941	1.048	18%
14	Long Anh	10.880	3.696	7.184	1.681	15	1.666	15%		23%	9.486	1.412	1.397	15%	9.486	914	10%
15	Nam Ngạn	17.479	5.513	11.966	2.367	93	2.274	14%	2%	19%	10.825	1.424	1.331	14%	10.825	801	7%
16	Ngọc Trạo	16.467	-	16.467	2.103	-	2.103	13%		13%	4.843	976	976	13%	4.843	437	9%
17	Phú Sơn	13.050	-	13.050	3.045	1	3.044	23%		23%	5.176	1.522	1.521	23%	5.176	736	14%
18	Quảng Cát	7.401	1.781	5.620	2.115	-	2.115	29%		38%	6.656	1.861	1.861	29%	6.656	1.038	16%
19	Quảng Đông	9.031	2.308	6.723	1.611	-	1.611	18%		24%	6.876	1.115	1.115	18%	6.876	1.013	15%
20	Quảng Hưng	19.787	7.446	12.341	5.537	79	5.458	28%	1%	44%	12.239	1.096	1.017	28%	12.239	1.142	9%
21	Quảng Phú	10.359	3.716	6.643	1.672	5	1.667	16%		25%	8.561	1.214	1.209	16%	8.561	888	10%
22	Quảng Tâm	10.623	3.089	7.534	1.843	209	1.634	17%	7%	22%	7.584	1.297	1.088	17%	7.584	625	8%
23	Quảng Thắng	9.913	-	9.913	4.809	2.472	2.337	49%		24%	4.846	3.634	1.162	49%	4.846	865	18%
24	Quảng Thành	17.813	3.237	14.576	29.399	26.413	2.986	165%	816%	20%	8.105	27.744	1.331	165%	8.105	1.169	14%
25	Quảng Thịnh	9.214	-	9.214	2.067	46	2.021	22%		22%	4.596	1.166	1.120	22%	4.596	675	15%
26	Tân Sơn	12.166	-	12.166	5.150	-	5.150	42%		42%	4.979	1.615	1.615	42%	4.979	1.175	24%

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước									Thu điều tiết ngân sách phường, xã			Chi NS huyện Quý I/2022			
		Dự toán thu NSNN TP giao			Ước thực hiện quý I/2022			So sánh ước TH quý I/DT			Dự toán HĐND thành phố giao	Ước thực hiện quý I/2022		SS ước TH Quý I/DT(%)	Dự toán chi NSPX TP giao	Ước chi quý I/2022	SS ước TH/DT (%)
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trđó			Tổng thu NSNN	Trđó				
			Thu tiền SĐĐ	Thu trừ tiền SĐĐ		Thu tiền SĐĐ	Thu trừ tiền SĐĐ		Thu tiền SĐĐ	Thu trừ tiền SĐĐ							
27	Tào Xuyên	10.294	866	9.428	3.439	1.650	1.789	33%	191%	19%	6.810	3.087	1.437	33%	6.810	1.019	15%
28	Thịệu Dương	10.473	3.964	6.509	1.783		1.783	17%		27%	9.067	1.260	1.260	17%	9.067	1.166	13%
29	Thịệu Khánh	8.419	2.827	5.592	1.365		1.365	16%		24%	7.619	1.171	1.171	16%	7.619	722	9%
30	Trường Thi	11.655	-	11.655	2.341	13	2.328	20%		20%	5.181	1.209	1.196	20%	5.181	577	11%
31	Xã Đông Vinh	10.389	4.537	5.852	1.440		1.440	14%		25%	8.772	1.083	1.083	14%	8.772	2.076	24%
32	Xã Hoằng Đại	8.729	4.115	4.614	1.187	100	1.087	14%	2%	24%	8.595	1.160	1.060	14%	8.595	672	8%
33	X. Hoằng Quang	6.895	1.653	5.242	1.392		1.392	20%		27%	6.385	1.106	1.106	20%	6.385	810	13%
34	Xã Thiệu Vân	4.598	-	4.598	1.088		1.088	24%		24%	4.258	995	995	24%	4.258	623	15%

